TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 912/2023/HC-PT
Ngày: 13 - 10 - 2023
V/v: "Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có :***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Duyên

Các Thẩm phán: Ông Hà Huy Cầu

Ông Lê Thành Long

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Trần Thị Kim Yến - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa***: Ông Cao Minh Trí - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 10 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 345/2023/TLPT-HC ngày 25 tháng 5 năm 2023 về việc "Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai".

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 25/2023/HC-ST ngày 31 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 2086/2023/QĐ-PT ngày 01 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Người khởi kiện:* Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1961 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn H, xã T, thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

- *Người bị kiện*: Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh B (xin xét xử vắng mặt)

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho người bị kiện: Ông Đào Thế H – Phó giám đốc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã L (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/Uỷ ban nhân dân xã Tân Phước

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phan Trọng M – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T (có mặt)

2/Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã L

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đào Thế H – Phó giám đốc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã L (có mặt).

3/Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1972 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn H, xã T, thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1961 (có mặt)

- *Người kháng cáo:* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân xã T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 22/02/2022, bản tự khai và tại phiên tòa sơ thẩm, người khởi kiện ông Nguyễn Văn Đ (đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị T) trình bày:

Năm 1994, gia đình ông Đ khai hoang thửa đất tọa lạc tại thôn H, thị trấn L, huyện H, nay là thôn H, xã T, thị xã L, tỉnh Bình Thuận, với diện tích khoảng 13.000m^2, có tứ cận như sau: Phía Đông giáp đất bà Nguyễn Thị B, Nguyễn Thị T1, ông Nguyễn Văn T2; Phía Tây giáp đất ông Đào Duy T3 và đường đất; Phía Nam giáp đường đất; Phía Bắc giáp mương thoát lũ.

Sau khi khai hoang, gia đình ông Đ cất nhà tạm để ở, đến năm 1996 thì sử dụng 4.000m^2/13.000m^2 để đào ao nuôi tôm, phần diện tích còn lại trồng hoa màu ngắn ngày. Do không đạt hiệu quả kinh tế nên năm 2000 chuyển sang trồng cây dương và keo lá tràm. Trong suốt thời gian sử dụng đất, ông Đ đã nhiều lần liên hệ Ủy ban nhân dân xã T xin cấp giấy chứng nhận đối với thửa đất nêu trên, tuy nhiên không được giải quyết với nhiều lý do khác nhau.

Ngày 14/4/2020, ông Đ nộp hồ sơ đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần diện tích khoảng 9.000m^2 (được đo đạc thực tế là 8.754,8m^2). Đến ngày 07/01/2021, Chi nhánh Văn phòng Đ có văn bản số 47/CN.VPĐKĐĐ thông báo về việc ông Đ không đủ điều kiện xét cấp giấy chứng nhận; đồng thời Ủy ban nhân dân xã T có văn bản số 10/UBND về việc có ý kiến và chuyển trả hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Đ vì lý do: "*Không thống nhất ranh giới với chủ đất giáp ranh liền kề ở hướng Đ, cụ thể là bà Nguyễn Thị T1*".

Sau đó ông Đ và bà T1 đã thỏa thuận thống nhất ranh giới, ông Đ tiếp tục nộp lại hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gửi tại Ủy ban nhân dân xã T. Khi tiến hành đo đạc lại, thì Ủy ban nhân dân xã T xác nhận vào biên bản ghi nhận hiện trạng cho rằng đất ông Đ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là đất đồi hoang cột cờ do Nhà nước quản lý. Căn cứ vào đó, Chi nhánh Văn phòng Đ ban hành Văn bản số 1150/CN.VPĐKĐĐLAGI ngày 27/4/2021 có nội dung thông báo trả hồ sơ đăng ký cho ông Đ.

Thấy rằng, nội dung văn bản trả lời trên và hành vi không thực hiện thủ tục tiếp nhận đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Chi nhánh

Văn phòng Đ làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của ông Đ, vì diện tích đất trên được gia đình ông Đ sử dụng liên tục từ năm 1994, thường xuyên canh tác, trồng hoa màu trên đất, đến năm 2000 thì chuyển sang trồng cây lâu năm. Do đó, ông Đ khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết các nội dung sau:

1/Hủy Văn bản số 1150/CN.VPĐKĐĐLAGI ngày 27/4/2021 của Chi nhánh Văn phòng Đ;

2/Buộc Chi nhánh Văn phòng Đ, Ủy ban nhân dân xã T thực hiện việc tiếp nhận và giải quyết đối với hồ sơ đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, có diện tích được đo đạc thực tế là 8.754,8m^2, tọa lạc tại thôn H, xã T, thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

Tại Văn bản số 750/VPĐKĐĐ-ĐKCG ngày 16/5/2022, người bị kiện Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh B trình bày:

Chi nhánh Văn phòng Đ có nhận được Thông báo số 81/TB-UBND ngày 02/6/2020 của Ủy ban nhân dân xã T về việc đề nghị trích đo địa chính cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho 08 hộ dân, trong đó có hồ sơ của ông Nguyễn Văn Đ. Căn cứ quy định, Chi nhánh Văn phòng Đ tiến hành đo đạc, chỉnh lý theo yêu cầu của ông Đ; Việc đo đạc được thực hiện theo mốc giới hiện hữu, tuy nhiên Ủy ban nhân dân xã T xác nhận về việc không thống nhất ranh giới đất và xác định diện tích đất đo đạc là đất đồi hoang, động Cột cờ do Nhà nước quản lý.

Do đó, việc trích đo để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền trên đất cho ông Nguyễn Văn Đ không thể thực hiện được, Chi nhánh Văn phòng Đ không tiến hành các thủ tục để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Văn Đ và ban hành Văn bản số 1150/CN.VPĐKĐĐLG ngày 27/4/2021 về việc thông báo trường hợp của ông Đ để Ủy ban nhân dân xã T được biết. Văn bản này là văn bản trao đổi nội bộ nhằm thông báo kết quả giải quyết hồ sơ hành chính, phối hợp công tác giữa Chi nhánh Văn phòng Đ với Ủy ban nhân dân xã T, nên không là đối tượng khởi kiện trong vụ án hành chính. Đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết theo quy định pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân xã T trình bày: Gia đình ông Định canh t đất tại khu vực có tục danh "động cột cờ" thuộc địa bàn thôn H, thị trấn L, huyện H là thôn H, xã T, thị xã L từ khoảng năm 1998. Lý do khu vực có tục danh "động cột cờ", vì khu vực này là động cát cao giáp biển, nên mùa giông bão thì địa phương đặt đèn báo hiệu cho ngư dân biết để vào bờ tránh bão. Theo bản đồ đo đạc trước năm 2008, trên bản đồ ghi là đất hoang, diện tích khoảng 18.000m^2; nhưng người dân chiếm sử dụng và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; theo bản đồ đo đạc năm 2009 – 2010 thì khu vực đất có tục danh "động cột cờ" nay chỉ còn 8.754,8m^2 mà ông Đ đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đối với phần đất gia đình ông Định canh t đào ao nuôi tôm và làm nhà tạm để ở cũng nằm giáp ranh với diện tích

8.754,8m^2 nêu trên, thì Ủy ban nhân dân xã T đã xét tính pháp lý đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận.

Do Ủy ban nhân dân xã T mới được thành lập từ tháng 12/2005, nên Uỷ ban nhân dân xã không có hồ sơ chứng minh ai đã trồng cây dương, keo trên phần đất 8.754,8m^2 mà ông Đ đăng ký cấp giấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đại La Gi trình bày:

Chi nhánh Văn phòng Đ cung cấp tài liệu, chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án và có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của ông Đ tại Văn bản số 335/CN.VPĐKĐĐLG ngày 28/02/2023 như sau: Văn bản số 1150/CN.VPĐKĐĐLG ngày 27/4/2021 là văn bản trao đổi nội bộ giữa Chi nhánh Văn phòng và Ủy ban nhân dân xã T nên không phải là đối tượng khởi kiện vụ án hành chính. Đồng thời, tính đến thời điểm hiện tại thì Chi nhánh chưa tiếp nhận hồ sơ đăng ký giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất của ông Nguyễn Văn Đ đối với diện tích 8.754,8m^2 nên chưa phát sinh hành vi hành chính.

Chi nhánh Văn phòng Đ cho rằng, việc xác định tính pháp lý đối với diện tích 8.754,8m^2 đất mà ông Đ đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân xã T. Vì Ủy ban nhân dân xã T xác định 8.754,8m^2 đất bằng chưa sử dụng do Ủy ban nhân dân xã Q, nên Chi nhánh Văn phòng Đ không thể giải quyết hồ sơ cấp giấy chứng nhận của ông Đ.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 25/2023/HC-ST ngày 31 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận đã quyết định như sau:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Đ:

- Hủy Văn bản số 1150/CN.VPĐKĐĐLAGI ngày 27/4/2021 của Chi nhánh Văn phòng Đ;

- Buộc Chi nhánh Văn phòng Đ, Ủy ban nhân dân xã T thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo quy định của pháp luật đối với hồ sơ đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất của hộ ông Nguyễn Văn Đ tại thửa đất số 963, tờ bản đồ số 43, tọa lạc tại thôn H, xã T, thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 13/4/2023 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân xã T kháng cáo bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân xã T (có ông Phan Trọng M là đại diện theo ủy quyền) vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu khởi kiện của ông Đ, với lý do: Bản án sơ thẩm xác định không đúng bản chất vụ việc, vì bản đồ năm

1998 nhưng bản án sơ thẩm nêu bản đồ năm 2008 là cách nhau 10 năm. "Động cột cờ" dùng chung cho các hộ dân đi biển làm đèn báo hiệu cho tàu thuyền vào bờ khi có bão, nên nếu cấp diện tích đất này cho ông Đ thì người dân xung quanh sẽ phản ứng. Về quản lý đất đai thì từ cuối năm 2005 khi Ủy ban nhân dân xã T4 thì phần đất này là "động cột cờ", riêng ông Đ đã được cấp 02 nền đất khác, còn vị trí phần đất này là cột cờ dùng chung cho người dân đi biển. Ủy ban nhân dân thị trấn C có phát động phong trào trồng cây dương, nên cây dương trên đất chỉ có thể là Nhà nước trồng, mặc dù không có chứng cứ nhưng có xác nhận của người dân và cán bộ ở Uỷ ban nhân dân xã. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét vị trí đất là "động cột cờ", đây là di tích của địa phương.

Người khởi kiện ông Nguyễn Văn Đ vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm, vì vị trí phần đất chỉ là cây, không có bản đồ quy hoạch của Nhà nước, không có cột cờ hay hải đăng trên đất. Ngoài ra, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Thanh c trình bày: Ông bà bắt đầu cư trú tại đây từ năm 1993, đến năm 1994 khai thác trên đất nhưng chính quyền địa phương không có ý kiến. Cây trồng trên đất là do gia đình ông bà trồng.

Người bị kiện xin xét xử vắng mặt. Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho người bị kiện giữ nguyên lời trình bày đã nêu trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Tòa án cấp phúc thẩm đã thực hiện đầy đủ thủ tục tố tụng theo quy định của Luật tố tụng hành chính.

- Về nội dung: Phần đất của ông Đ gồm 02 phần, trong đó có 01 phần diện tích là lấn chiếm, được Ủy ban nhân dân xã T lập biên bản năm 2021. Tuy nhiên, hồ sơ vụ án thể hiện thì việc xác định của Ủy ban nhân dân xã T là chưa đủ căn cứ, vì lập biên bản năm 2021 nhưng năm 2020 ông Đ đã có đơn đăng ký, kê khai quyền sử dụng đất. Những hộ dân xung quanh đất ông Đ đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Cây trồng trên đất theo Ủy ban nhân dân xã T là do Đoàn thanh niên trồng nhưng không có căn cứ chứng minh. Quá trình ông Đ sử dụng đất không bị xử phạt, Nhà nước không có quyết định thu hồi. Vì vậy, ông Đ đủ điều kiện được công nhận quyền sử dụng đất. Bản án sơ thẩm xét xử là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu kháng cáo của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, người bị kiện xin xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 225 Luật tố tụng hành chính tiến hành xét xử vụ án.

[2] Ngày 14/4/2020 ông Nguyễn Văn Đ nộp hồ sơ đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần diện tích khoảng 9.000m^2 (được đo đạc thực tế là 8.754,8m^2) tại thôn H, thị trấn L, huyện H, tỉnh Bình Thuận (nay là thôn H, xã T, thị xã L, tỉnh Bình Thuận). Ngày 27/4/2021 Chi nhánh Văn phòng Đ có Văn bản số 1150/CN.VPĐKĐĐLAGI với nội dung thông báo trả hồ sơ đăng ký cho ông Đ. Do đó, ông Đ khởi kiện yêu cầu Tòa án:

- Hủy Văn bản số 1150/CN.VPĐKĐĐLAGI ngày 27/4/2021 của Chi nhánh Văn phòng Đ;

- Buộc Chi nhánh Văn phòng Đ, Ủy ban nhân dân xã T thực hiện việc tiếp nhận và giải quyết đối với hồ sơ đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, có diện tích được đo đạc thực tế là 8.754,8m^2, tọa lạc tại thôn H, xã T, thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

[3] Bản án sơ thẩm nhận định:

[3.1] Căn cứ khoản 6 Điều 3 Luật tố tụng hành chính thì văn bản 1150/CN.VPĐKĐĐLAGI ngày 27/4/2021 của Chi nhánh Văn phòng Đ không mang tính chất chỉ đạo, thực hiện nhiệm vụ giữa các cơ quan thuộc quyền quản lý; Văn bản này có nội dung viện dẫn các điều, khoản của văn bản quy phạm pháp luật quy định thủ tục hành chính về đất đai và thông báo cho Ủy ban nhân dân xã T thực hiện việc trả lời và giao trả hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Văn Đ. Xét, nội dung này làm ảnh hưởng trực tiếp đến quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự nên là đối tượng khởi kiện vụ án hành chính.

[3.2] Xét nội dung yêu cầu khởi kiện của ông Đ:

- Theo người khởi kiện trình bày thì năm 1994, gia đình ông Nguyễn Văn Đ khai hoang khoảng 13.000m^2 đất, tọa lạc tại thôn H, xã T, thị xã L, tỉnh Bình Thuận. Theo Ủy ban nhân dân xã T trình bày thì gia đình ông Đ khai hoang vào khoảng năm 1998. Như vậy, thời điểm sử dụng đất của gia đình ông Đ trước ngày 01/7/2004. Trong diện tích đất gia đình ông khai hoang, thì Ủy ban nhân dân xã T xác định có hơn 4.000m^2 đất ông Đ làm nhà và đào ao nuôi tôm đã được xem xét đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Đối với diện tích 8.754,8m^2 đất còn lại nằm trong khu vực có tục danh "động cột cờ" và giáp ranh với phần diện tích đất của ông Đ được xác định đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận thì trên đất có nhiều cây keo và cây dương do ông Đ trồng, chu vi gốc cây từ 40cm đến 50cm. Các chủ sử dụng đất (phía Đông giáp đất bà Nguyễn Thị B, Nguyễn Thị T1, ông Nguyễn Văn T2; phía Tây giáp đất ông Đào Duy T3) giáp ranh với diện tích đất này đã được cấp giấy chứng nhận và ông Đ là người ký giáp ranh cho các hộ gia đình bà B, bà T1, ông T2 và ông T3.

Vậy, gia đình ông Đ có quá trình sử dụng ổn định đối với diện tích 8.754,8m^2 đất tại khu vực có tục danh "động cột cờ", tọa lạc tại thôn H, xã T, thị xã L. Quá trình sử dụng đối với phần diện tích đất không có quyết định thu hồi đất hoặc quyết định xử lý vi phạm hành chính của cơ quan Nhà nước đối với hộ

ông Đ về hành vi lấn, chiếm đất. Đối chiếu với quy định tại Điều 100 và 101 Luật đất đai thì ông Đ đủ điều kiện để xem xét để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đối với diện tích đất này.

- Ngày 20/3/2021, Chi nhánh Văn phòng Đ phối hợp cán bộ địa chính Ủy ban nhân dân xã T tiến hành đo đạc, chỉnh lý thửa đất ông Định đề n cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tại thời điểm đo đạc, hiện trạng ranh giới, mốc giới thửa đất thể hiện bằng trụ bê tông hiện hữu. Ngày 25/4/2021 Chi nhánh Văn phòng Đ đã có phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất. Tuy nhiên, Chi nhánh Văn phòng Đ nêu: "*Vì Ủy ban nhân dân xã T xác định phần diện tích đất được ông Định đề n cấp giấy chứng nhận là thuộc Ủy ban nhân dân xã T quản lý*" nên Chi nhánh Văn phòng Đ không thực hiện các thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Văn Đ.

Xét, theo quy định tại khoản 1 Điều 11 Thông tư 25/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 thì Chi nhánh Văn phòng Đ chưa thực hiện việc báo cáo, trao đổi bằng văn bản cho Ủy ban nhân dân xã T, đã ban hành văn bản số 1150/CN.VPĐKĐĐLG ngày 27/4/2021 gửi Ủy ban nhân dân xã T thông báo việc hoàn trả hồ sơ cấp giấy chứng nhận của ông Đ, là không thực hiện đúng trình tự, quy định pháp luật.

Ủy ban nhân dân xã T chỉ cung cấp bản đồ ghi đất bằng chưa sử dụng (ký hiệu BCS), để cho rằng diện tích 8.754,8m^2 đất bằng chưa sử dụng, thuộc quyền quản lý của Uỷ ban nhân dân xã theo khoản 1 Điều 103 Luật đất đai năm 2003, khoản 1 Điều 164 Luật đất đai năm 2013 (Uỷ ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm quản lý, bảo vệ đất chưa sử dụng tại địa phương và đăng ký vào hồ sơ địa chính). Trong khi đó đất chưa sử dụng là đất chưa có đủ điều kiện hoặc chưa được xác định để sử dụng vào mục đích gì, như vậy Ủy ban nhân dân xã T chỉ quản lý chung về mặt hành chính đối với phần đất chưa sử dụng, không phải là chủ sử dụng đất để có quyền xác định, thống nhất ranh giới đất, cung cấp thông tin khi thực hiện việc đo vẽ theo yêu cầu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Đ.

Ngoài ra, qua các lần ông Đ đăng ký cấp giấy chứng nhận đối với diện tích đất này, thì Ủy ban nhân dân xã T chỉ có ý kiến đất có tranh chấp ranh giới với bà T1; Nhưng khi giữa bà T1 và ông Đ thống nhất về ranh giới thì Ủy ban nhân dân xã T lại cho rằng đất do Ủy ban nhân dân xã Q; Qua đó cho thấy Ủy ban nhân dân xã T không quản lý diện tích 8.754,8m^2 đất nêu trên, mà đất do gia đình ông Đ quản lý sử dụng trồng cây từ năm 2009, không có tranh chấp với các hộ sử dụng đất liền kề.

Căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 22, Điều 36 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 thì việc Ủy ban nhân dân xã T cho rằng diện tích 8.754,8m^2 đất nêu trên do Ủy ban nhân dân xã Q, dẫn đến việc Chi nhánh Văn phòng Đ ban hành Văn bản số 1150 ngày 27/4/2021 về việc thông báo cho Ủy ban nhân dân xã T trả lời và giao trả hồ sơ đăng ký cấp giấy chứng nhận của ông Nguyễn Văn Đ là không có căn cứ.

Từ những nhận định trên, Bản án sơ thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Đ.

[4] Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đ là có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Tuy vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định thêm:

[4.1] Theo nội dung yêu cầu khởi kiện của ông Đ thì Ủy ban nhân dân xã T phải được xác định là người bị kiện. Tòa án cấp sơ thẩm xác định Ủy ban nhân dân xã T là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là không chính xác theo quy định tại Điều 3 Luật tố tụng hành chính. Nhưng sau khi xét xử sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị liên quan đến nội dung này và Ủy ban nhân dân xã T đã có tham gia tố tụng, nên sai sót này không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án.

[4.2] Ủy ban nhân dân xã T cho rằng phần đất mà ông Đ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là do Nhà nước quản lý, nhưng Ủy ban nhân dân thị xã L không có ý kiến về nội dung trình bày của Ủy ban nhân dân xã T liên quan đến phần đất trên. Các tài liệu mà Ủy ban nhân dân xã T nêu ra trong quá trình giải quyết vụ chưa đủ căn cứ để xác định lời trình bày của Ủy ban nhân dân xã T là đúng. Mặt khác, nội dung trình bày người bị kiện Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh B tại văn bản số 750/VPĐKĐĐ-ĐKCG ngày 16/5/2022 thể hiện người bị kiện không phản bác yêu cầu khởi kiện của ông Đ, và không có ý kiến xác định lời trình bày của Ủy ban nhân dân xã T là có căn cứ pháp lý; Sau khi xét xử sơ thẩm người bị kiện cũng không có kháng cáo. Từ các sự kiện pháp lý nêu trên là cơ sở chứng minh nội dung trình bày của Ủy ban nhân dân xã T là không có căn cứ pháp luật. Do vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm không có căn cứ để không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Ủy ban nhân dân xã T.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa; Bác yêu cầu kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6] Án phí hành chính phúc thẩm: Do bác yêu cầu kháng cáo nên người có kháng cáo phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính,

I. Bác yêu cầu kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân xã T.

Giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm số 25/2023/HC-ST ngày 31/3/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận.

Áp dụng Điều 22 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; Điều 11 Thông tư số 25/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Đ:

- Hủy Văn bản số 1150/CN.VPĐKĐĐLAGI ngày 27/4/2021 của Chi nhánh Văn phòng Đ;

- Buộc Chi nhánh Văn phòng Đ, Ủy ban nhân dân xã T thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo quy định của pháp luật đối với hồ sơ đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất của hộ ông Nguyễn Văn Đ tại thửa đất số 963, tờ bản đồ số 43, tọa lạc tại thôn H, xã T, thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

2. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

II. Án phí hành chính phúc thẩm:

Ủy ban nhân dân xã T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0015342 ngày 05/5/2023 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Bình Thuận.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM
- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND tỉnh Bình Thuận;
- Cục THADS tỉnh Bình Thuận;
- NKK (1);
- NBK (1);
-NLQ (3);
- Lưu (10) 20b (Án TTKY).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Duyên